

Mường Nhé, ngày 03 tháng 6 năm 2024

Số: 647/TM-TTYT

THƯ MỜI BÁO GIÁ
Gói thầu mua sắm vật tư y tế và sinh phẩm chẩn đoán
invitro năm 2024 - 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp hàng hoá tại
Việt Nam.

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 06 năm 2023;
Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn
nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về
quản lý trang thiết bị y tế; Căn cứ Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023
của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số
98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;
Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01/08/2022 của Bộ Y tế về việc quy
định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày
08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;*

*Căn cứ Biên bản số 04/BB-HĐKHKT ngày 28/5/2024 của Hội đồng khoa
học kỹ thuật – Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé về việc xây dựng danh mục, kế
hoạch và dự toán mua sắm vật tư y tế và sinh phẩm chẩn đoán invitro năm
2024-2025;*

Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé kính mời các quý nhà thầu gửi báo giá
để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho
gói thầu: **Mua sắm vật tư y tế xét nghiệm và sinh phẩm chẩn đoán invitro
năm 2024-2025** với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé, Địa chỉ: Tổ
3, xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

2. Thông tin liên hệ của người tiếp nhận báo giá: Ds. Vừ A Tình, Khoa
Dược – TTB – VTYT- Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé, Số điện thoại:
0989.725.690, Email: Tinhpharmacist1@gmail.com (trong giờ hành chính để
tham khảo thông tin);

3. Cách tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp hoặc gửi bản PDF qua thư
điện tử.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 03 tháng 06 năm 2024
đến trước 17h00 ngày 13 tháng 06 năm 2024. Các báo giá nhận sau thời điểm
nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 13/6/2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá;

1. Danh mục vật tư y tế, sinh phẩm của Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé (Phụ lục chi tiết kèm theo)

2. Địa điểm cung cấp: Khoa Dược TTB- VTYT, Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến: 18 tháng.

4. Dự kiến thực hiện đấu thầu: tháng 6,7 năm 2024.

5. Các thông tin khác: không.

6. Mẫu báo giá: Theo mẫu chi tiết phụ lục kèm theo

7. Các thông tin khác: Nhà cung cấp cung cấp thông tin chính xác, rõ ràng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã cung cấp.

Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Website TTYTMN
- Lưu VT, Khoa Dược

GIÁM ĐỐC



BsCKI. Lò Văn Sen



PHỤ LỤC
DANH MỤC KẾ HOẠCH MUA SẴM VẬT TƯ Y TẾ XÉT NGHIỆM VÀ SINH PHẨM
NĂM 2024 – 2025

(Kèm Bảo giá số 647/TM-TTYT ngày 03/06/2025 của Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé)

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I. Vật tư y tế					
1	Anti A	Lọ ≥ 10ml. Chất thử chẩn đoán nhóm máu A, dùng phương pháp thử công. Hoặc tương đương.	Lọ	06	
2	Anti AB	Lọ ≥ 10ml. Chất thử chẩn đoán nhóm máu AB, dùng phương pháp thử công. Hoặc tương đương.	Lọ	06	
3	Anti B	Lọ ≥ 10ml. Chất thử chẩn đoán nhóm máu B, dùng phương pháp thử công. Hoặc tương đương.	Lọ	06	
4	Anti D	Lọ ≥ 10ml. Lọ chứa dung dịch kháng thể đơn dòng Anti-D. Hoặc tương đương.	Lọ	06	
5	Anti Huma Globulin	Sử dụng để phát hiện kháng thể IgG chống lại các tế bào hồng cầu người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Lọ	06	
6	Băng bột bó 10cm x 2,7m	Vỏ cuộn bột là giấy bạc chống ẩm, lõi cuộn bột làm bằng que nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Không bị nứt gãy sau khi bó Kích thước: 10cmx270cm Hoặc tương đương	Cuộn	500	
7	Băng bột bó 7,5cm x 2,7m	Vỏ cuộn bột là giấy bạc chống ẩm, lõi cuộn bột làm bằng que nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Không bị nứt gãy sau khi bó Kích thước: 7,5cmx270cm Hoặc tương đương	Cuộn	300	
8	Băng cuộn 15cm x 5m	Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton. Không chứa chất gây dị ứng. Tốc độ hút nước =< 5 giây. Độ ngậm nước >=5gr nước/1gr gạc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	800	
9	Băng cuộn 5cm x 5m	Kích thước 5cm x 5m. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Tốc độ hút nước =< 5 giây. Độ ngậm nước >=5gr nước/1gr gạc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	300	
10	Băng dính lụa 5cm x 5m	Băng vải lụa đan dệt taffeta, màu trắng, số sợi 44x18/cm ² . Bờ răng cưa hai bên giúp xé dễ dàng. Keo Oxyd kèm không dùng dung môi. Kích thước: 5cm x 5m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	900	

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
11	Băng keo chỉ thị nhiệt hấp ướt	Băng keo chỉ thị nhiệt, 24mmx55m, vạch chỉ thị chuyển Trắng ngà sang Nâu sẫm/đen, chứa chất bám dính 10-20%, chất dẻo acrylic polymer 2-5%. Không chứa chì. Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	30	
12	Bộ dây truyền dịch kim cánh bướm	Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích $\geq 8.5\text{ml}$. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây dẫn $\geq 1500\text{mm}$. Dây truyền dịch kèm kim 2 cánh bướm 23Gx3/4" giúp cố định dễ dàng chắc chắn. Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn TCVN 6591-4: 2008 hoặc tương đương	Bộ	22.000	
13	Bộ dây truyền máu	Chất liệu nhựa y tế không chứa DEHP. Dài: $\geq 150\text{cm}$. Tốc độ dòng chảy có thể điều chỉnh: ≥ 20 giọt/mL. Đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	70	
14	Bơm cho ăn MPV 50ml	Xy lanh dung tích 60cc được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Bơm có thiết kế có vòng ngón tay cầm giúp cầm chắc chắn, thân xy lanh được chia vạch thể tích theo oz và cc. Độc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất $\leq 1\text{ml}$ để tiện sử dụng cho trẻ em Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	500	
15	Bơm hút thai 1 van	Bơm hút chân không bằng tay dùng để hút thai, điều hòa kinh nguyệt và sinh thiết nội mạc tử cung. Thể tích bơm 60ml. Tay cầm thuận tiện, để sử dụng bằng 1 tay; 1 van có khóa nút bấm có tác dụng giữ và giải phóng áp lực chân không. Dai hãm cổ bơm giữ cho Piton không bị tuột khỏi ống bơm. Hoặc tương đương.	Cái	15	
16	Bơm tiêm nhựa 10ml	Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất $\leq 0,2\text{ml}$ Pít tông có khía bề gãy dễ hủy, không có ba vĩa. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, EN ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	50.000	
17	Bơm tiêm nhựa 1ml	Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.	Cái	800	

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết $\leq 0.03\text{ml}$, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26G x 1/2". Đạt tiêu chuẩn CE, EN ISO 13485 hoặc tương đương			
18	Bơm tiêm nhựa 20ml	Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa. Bề mặt gioăng phẳng giúp bơm hết hành trình của thuốc. Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, EN ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	38.000	
19	Bơm tiêm nhựa 50ml	Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa. Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng. Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất $\leq 1\text{ml}$ để tiện sử dụng cho trẻ em Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	600	
20	Bơm tiêm nhựa 5ml	Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, EN ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	55.000	
21	Bông cầm máu mũi có ống thở	Miếng cầm máu mũi, có ống thở, vật liệu polyvinyl, có dây. Đóng gói riêng từng miếng, tiệt trùng. Hoặc tương đương.	Cái	25	
22	Bông thấm nước	Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị to và có độ thấm hút rất cao. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ acid và độ kiềm: Trung tính; Hàm lượng chất béo: Không vượt quá 0.5%. Các chất tan trong nước: $\leq 0,5\%$; Độ ẩm: $\leq 8\%$; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Kg	60	
23	Chạc 3 truyền dịch kèm dây nối 10cm	Khóa ba chạc kèm dây nối 10cm: đầu khóa chắc chắn không rò rỉ, van 1 chiều an toàn. Đạt tiêu chuẩn 13485 hoặc tương đương	Cái	200	

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
24	Chỉ không tiêu PROLENE™ số 1	Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu số 1 dài 75cm kim tròn 40mm 1/2c được làm từ thép AISI 302 được phủ silicone. Chỉ được làm từ 100% polypropylene. Tiệt trùng EO. Tiêu chuẩn CE hoặc tương đương	Tép/Sợi	24	
25	Chỉ không tiêu PROLENE™ số 2/0	Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu số 2/0 dài 90 cm, 2 kim tròn 26 mm 1/2c được làm từ thép AISI 302 được phủ silicone. Chỉ được làm từ 100% polypropylene. Tiệt trùng EO. Tiêu chuẩn CE hoặc tương đương	Tép/Sợi	24	
26	Chỉ không tiêu PROLENE™ số 4/0	Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu số 4/0 dài 90 cm, 2 kim tròn 20 mm 1/2c được làm từ thép AISI 302 được phủ silicone. Chỉ được làm từ 100% polypropylene. Tiệt trùng EO. Tiêu chuẩn CE hoặc tương đương	Tép/Sợi	24	
27	Chỉ không tiêu PROLENE™ số 5/0	Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu số 5/0 dài 75cm, 2 kim tròn 17mm 1/2c được làm từ thép AISI 302 được phủ silicone. Chỉ được làm từ 100% polypropylene. Tiệt trùng EO. Tiêu chuẩn CE hoặc tương đương	Tép/Sợi	36	
28	Chỉ lạnh 20g	Có các size và chiều dài như sau: • Size 20 160m • Size 30 190m • Size 40 220m • Size 50 260m • Size 60 300m • Size 70 320m • Size 80 360m • Size 100 430m Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Cuộn	12	
29	Chỉ thép liền kim số 1	Hộp 12 vỉ, vỉ = 4 sợi. Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bề dai chống rách ngăn khuẩn hiệu quả. Kim thép 300, 302 phủ silicone Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Tép/Sợi	12	
30	Chỉ thép liền kim số 2/0	Hộp 12 vỉ, vỉ = 4 sợi. Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bề dai chống rách ngăn khuẩn hiệu quả. Kim thép 300, 302 phủ silicone Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Tép/Sợi	12	
31	Chỉ tiêu liền kim số 4/0	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi, số 4/0, bằng Polyglactin 910, dài 75cm, tiệt trùng. 01 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương	Tép/Sợi	180	
32	Chỉ tiêu liền kim số 1/0	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi, số 1/0, bằng Polyglactin 910, dài 90cm, tiệt trùng. 01 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 40 mm, 1/2	Tép/Sợi	900	

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		C, phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương			
33	Chỉ tiêu liên kim số 2/0	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi, số 2/0, bằng Polyglactin 910, dài 75cm, tiết trùng. 01 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương	Tép/Sợi	600	
34	Chỉ tiêu liên kim số 3/0	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi số 3/0, bằng polyglactin 910, dài 75cm, tiết trùng. 01 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương	Tép/Sợi	450	
35	Cidex OPA hoặc	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần ORTHO-PHTHALADEHYDE 0,55% và các thành phần khác, pH 7.2 - 7.8. Can 3.78l. Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. Thời gian bảo quản dung dịch trong can là 75 ngày tính từ khi mở nắp. Đạt các tiêu chuẩn: EC, ISO 13485 hoặc tương đương.	Can	12	
36	Cloramin B	Dạng bột mịn, trắng tơi. Hoặc tương đương.	Kg	600	
37	Cồn 70 độ	Thành phần : ethanol , nước Hàm lượng Ethanol $\geq 70\%$ Hàm lượng Methanol < 0.02 Màu trong không có vẩn đục Công dụng: Sát khuẩn khử trùng dụng cụ, trang thiết bị y tế. Sát trùng ngoài da.	Chai	600	
38	Cồn 90 độ	Thành phần : ethanol , Nước, CH ₃ OH vừa đủ Hàm lượng Ethanol $\geq 90\%$ Hàm lượng Methanol < 0.02 Màu trong không có vẩn đục Công dụng: Sát khuẩn khử trùng dụng cụ, trang thiết bị y tế. Sát trùng ngoài da.	Chai	150	
39	Dao chích nhĩ cong	Dao có độ sắc. Chất liệu thép. Hoặc tương đương.	Cái	2	
40	Dao chích nhĩ thẳng	Dao có độ sắc. Chất liệu thép. Hoặc tương đương.	Cái	2	
41	Đầu côn vàng	Làm bằng nhựa PP (có khóa). Thể tích tối đa 200ul (tương đương 0.2ml). Hoặc tương đương.	Cái	30.000	
42	Đầu côn xanh	Làm bằng nhựa PP (có khóa); Thể tích tối đa 1000ul (tương đương 1ml). Hoặc tương đương.	Cái	15.000	

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
43	Dầu parafin tiệt trùng 10ml	Dầu Parafin vô khuẩn. Thể tích 10ml. Đạt tiêu chuẩn TCCS hoặc tương đương.	Ống	500	
44	Dây cho ăn các số	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr,14Fr,16Fr,18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	800	
45	Dây hút dịch phẫu thuật	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đường kính ngoài ống: 7.7/9.9/10.5 mm. Đường kính trong ống: 5/6.3/7.7 mm. Chiều dài ống 2m, có hai đầu nối giúp kết nối chặt chẽ vào thiết bị. Bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu được áp lực âm cao (-75kpa) không bị bóp méo Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	10	
46	Dây hút nhót	Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhẵn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE, EN ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	750	
47	Dây nối bơm tiêm điện 75cm	Dây nối không bị xoắn gãy gập, không bám bột khí trên dây, có đầu khóa vặn xoắn an toàn chịu áp lực cao, chống rò rỉ, không có chất gây độc DEHP. Dây dài 75cm.	Cái	800	
48	Dây thở oxy người lớn	Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gọng mũi. Không chứa chất DEHP, được tiệt trùng bằng khí E.O Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. Ống không bị tác động bởi oxy hay thuốc Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn Dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m, lòng ống có khóa chống gập. Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí E.O - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	500	
49	Dây thở oxy trẻ em	Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gọng mũi Không chứa chất DEHP, được tiệt trùng bằng khí E.O Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. Ống không bị tác động bởi oxy hay thuốc Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn Dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m, lòng ống có khóa chống gập.	Bộ	800	

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí E.O - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương			
50	Đề lưỡi gỗ sử dụng một lần	Que đề lưỡi gỗ được làm từ gỗ tự nhiên, không lõi, không cong vênh, được hấp chín trước khi đưa vào sản xuất và sấy khô, đánh bóng khi ra thành phẩm.	Cái	15.000	
51	Đồng hồ Oxy	Chất liệu đồng thau, tốc độ dòng chảy từ 1~15l/phút. Bộ bao gồm: Dây thở oxy, mặt nạ oxy, bình tạo âm. Hoặc tương đương.	Cái	20	
52	Dung dịch rửa tay 2% 500ml	Chlorhexidine Digluconate 2% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, Polyquatium 7, ...) vừa đủ 100%.	Chai	70	
53	Dung dịch vệ sinh tay sát khuẩn phẫu thuật (Rửa tay phẫu thuật 4% Chlorhexidine)	Chlorhexidine Digluconate 4% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Alkyl Polyglycoside, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, Polyquatium 7 ...) vừa đủ 100%	Chai	50	
54	Dung dịch sát khuẩn dụng cụ	- Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme. - Thành phần: protease subtilisin 0,5%, hiệu quả nhanh sau 1 phút, ít bọt, pH trung tính: 7.8-8.8 ngăn không để lại tồn lưu. Chai 1 lít. - Đạt tiêu chuẩn EC, ISO 13485 hoặc tương đương.	Chai	12	
55	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh 500ml	Chlorhexidine Digluconate 0,5% (v/v); Ethanol 73% (v/v) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alpha- Terpineol, Alpha-Bisabolol, Aloe Vera, Vitamin E...) vừa đủ 100%.	Chai	500	
56	Gạc phẫu thuật 10 x 10cm x 12 lớp vô trùng	Kích thước: 10cm x 10cm x 12 lớp vô trùng. Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có tinh bột hoặc Dextrin. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Miếng	50.000	
57	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30 x 40cm x 8 lớp, cản quang vô trùng	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Tiệt trùng bằng khí EO, Gas. Có sợi cản quang để kiểm tra sót gạc. Kích thước 30cm x 40cm x 8 lớp vô trùng cản quang. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Miếng	5.500	
58	Găng tay dài sản	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da.	Đôi	750	

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	khoa	Được tiệt trùng bằng khí EO, đóng gói mỗi túi/ đôi. Có cỡ 7.0-7.5. Chiều dài: 450, chiều rộng lòng bàn tay size 7: 89±5mm, 7.5: 95 ± 5 mm; cường lực khi đứt trước lão hoá min 12.5N, sau lão hoá min 9.5N. Độ giãn đứt trước lão hoá min 700%, sau lão hoá min 550%. lượng bột max 80mg /đôi. Lượng protein max 200g/dm2. TCVN 6344 (ISO 10282:2014). Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001; ISO 13485 hoặc tương đương			
59	Găng tay kiểm tra các cỡ	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da, có cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải, dài trung bình 240mm. Độ dày tối thiểu 1 lớp áp dụng cho các cỡ: 0,08mm. Lực kéo đứt tối thiểu: Trước già hóa: ≥7,0 N; Sau già hóa: ≥ 6,0 N. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt: Trước già hóa: 650%; Sau già hóa: 500%. Lượng bột bôi trơn (nằm ở mặt trong chiếc găng): ≤ 10mg/dm2. Hàm lượng Protein dưới 200 µg/dm2. Hoặc tương đương.	Đôi	140.000	
60	Găng tay tiệt trùng các số	Tiêu chuẩn cơ bản: Bề dày trung bình 0,15÷20mm, Chiều dài trung bình 280mm, Chiều rộng lòng bàn tay: Size 61/2: 83±5mm, Size 7: 89±5mm, Size 71/2: 95±5mm. Cường lực khi đứt: Trước khi lão hóa: min 12,5N, Sau lão hóa: min 9,5N. Độ giãn đứt: Trước lão hóa: min 700%, Sau lão hóa: min 550%. Tiêu chuẩn cao: Ngoài tiêu chuẩn cơ bản phải đạt: Lượng bột: max 80mg/đôi. Lượng protein: max 200µg/dm2, mức độ nhiễm tĩnh điện dưới 100V. Tiệt trùng bằng khí EO.	Đôi	6.000	
61	Gel siêu âm	Gel siêu âm can 5 lít. Gel trong, tan hoàn toàn trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường. Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Can	22	
62	Giấy điện tim 3 cần	Giấy 3 cần MC6330/16R2 phù hợp với máy của bệnh viện. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cuộn	70	
63	Giấy in monitor sản khoa	Kích thước 150mm x 90mm x 1500 tờ. Sử dụng tương thích cho máy theo dõi tim thai.	Tập	150	
64	Giấy in nhiệt 5,5 cm	Chiều rộng 5,5 cm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	50	
65	Giấy siêu âm 11cm x 20m	Kích thước 11cm x 20m. Phù hợp với máy siêu âm Sony Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	90	
66	Javen 12%	Đóng gói can 30 lít. Nồng độ 12%. Hoặc tương đương.	Lít	600	
67	Kẹp rốn	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	1.200	
68	Khẩu trang y tế	Khẩu trang y tế 3 lớp vô trùng. Hoặc tương đương.	Cái	10.000	
69	Khí oxy trong	Bình khí nén 10 lít.	Bình	150	

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	bình 10 lít				
70	Khí oxy trong bình 40 lít	Bình khí nén 40 lít.	Bình	100	
71	Khoá 3 chạc không dây	Làm bằng nhựa nguyên sinh y tế, chống đứt gãy, đầu khoá chắc chắn không rò rỉ, van 1 chiều an toàn. Dây nối chất liệu PCV. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	300	
72	Kim bơm thuốc thanh quản	Thép không gỉ. Dùng để bơm thuốc thanh quản; Hoặc tương đương.	Cái	5	
73	Kim cánh bướm	Bộ kim cánh bướm, cỡ 23G, 25G. Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài ≥ 30 cm, đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2.5mm, không DEHP. Kim bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp chụp. Có đầu kết nối Luer lock. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	16.000	
74	Kim Cây Chỉ Số 7	Thân kim được làm từ thép y tế không gỉ. Kim cây chỉ vô trùng dùng một lần; Hoặc tương đương.	Cái	80	
75	Kim châm cứu các số	Kim châm cứu vô trùng loại dùng 1 lần. Kim đốc thép y tế không gỉ, dẫn điện tốt. Hoặc tương đương	Cái	27.000	
76	Kim chọc dò gây tê tuỷ sống các cỡ	Đầu kim Quinke 3 mặt vát dài 3 1/2" G25 G27, sắc bén Chuôi kim trong suốt, có phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra Hoặc tương đương	Cái	1.000	
77	Kim khâu phẫu thuật tròn + 3 cạnh các số	- Được sản xuất bằng thép Cacbon với công nghệ sản xuất hiện đại cho đầu kim nhẵn, sắc nhọn. - Công dụng: dùng để khâu vết thương. Hoặc tương đương	Cái	600	
78	Kim lấy thuốc các số	Kim các số G18, G20, G23, Vi dụng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135, EN ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	55.000	
79	Kim luồn tĩnh mạch an toàn, có cánh, có cửa các số	Kim luồn tĩnh mạch chất liệu FEP, có 3 vạch cản quang ở thân catheter, có cánh và có cửa bơm thuốc có khả năng lưu kim được đến 96h.Được tiệt trùng bằng công nghệ EO. Màng kỵ nước chống máu tràn ra. Bầu tắm lọc có thể tháo rời để lấy mẫu máu khi cần. có nút chặn kim luồn khi không sử dụng tiêm truyền cho bệnh nhân. Các cỡ: 24G, 22G, 20G, 18G,16G,14G Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương.	Cái	5.000	
80	Kim luồn tĩnh mạch các cỡ	Kim luồn tĩnh mạch được làm từ chất liệu Ethylen tetraflourethylen (ETFE) đem lại sức cản thấp khi thâm nhập. Tiệt trùng bằng chùm tia điện tử, lưu Catheter được 72h.	Cái	17.000	

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		Kim luân tĩnh mạch không có cánh. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương.			
81	Lam kính	Độ dày: 1.0-1.2 mm. Kích thước: 25.4 x 76.2mm. Kính mài mờ 1 đầu. Hoặc tương đương	Miếng/Lá	1.080	
82	Lưỡi dao phẫu thuật tiết trùng (bầu + lá lũa)	Chất liệu: Thép không gỉ. Sử dụng cho các phẫu thuật Mắt, tai mũi họng , thẩm mỹ ... Hoặc tương đương	Chiếc	1.500	
83	Mask khí dung các số	Chất liệu nhựa PVC y tế. Dây dẫn cung cấp oxy dạng ống dài 2m. Dây đeo co giãn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	30	
84	Mask thanh quản các cỡ	Bao gồm ống thông khí, đầu nối, piton, balon và van. Hoặc tương đương.	Cái	10	
85	Meche phẫu thuật 3,5 x 7,5 x 6 lớp cản quang vô trùng	Gạc dệt (100% cotton), thấm hút cao, màu trắng, không bụi bẩn. Kích thước 3.5cm x 75cm x 6 lớp cản quang vô trùng. Hoặc tương đương.	Cái	1.600	
86	Mũ phẫu thuật vô trùng	Vải không dệt polypropylen cao cấp. Màu xanh đồng đều, không loang bẩn, ko dính tạp chất. Độ co giãn tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.500	
87	Natri clorid dùng ngoài	Dung dịch trong, không màu. Chai ≥ 500 ml, nồng độ 0,9%. Hoặc tương đương	Chai	400	
88	Nhiệt kế	Được làm từ thủy tinh trong suốt, bên trong có vạch chia độ và dải thủy ngân. Nhiệt độ đo được tối đa 35-42°C	Cái	50	
89	Ống chống đông EDTA 12 x 75mm	Ống nghiệm nhựa PP hoặc tương đương, kích thước 12 x 75mm, nắp màu xanh dương bằng nhựa LDPE mới 100%. Thành phần hóa chất: EDTA K2. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	10.000	
90	Ống chống đông Heparin 12 x 75mm	Ống nghiệm nhựa PP hoặc tương đương, kích thước 12x75mm, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%. Thành phần hóa chất: Lithium Heparin dưới dạng hạt sương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	6.000	
91	Ống Cook người lớn (ống	Không chứa latex, có vạch chia độ. Kích cỡ: 6-10mm	Cái	05	

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	Cook - dây Bougies)				
92	Ống Cook trẻ em (ống Cook - dây Bougies)	Không chứa latex, có vạch chia độ ở 2 đầu. Kích cỡ: 4-6mm	Cái	05	
93	Ống đặt nội khí quản có bóng các số	- Nhựa PVC y tế cao cấp, trong suốt - Bóng thể tích lớn, áp lực thấp an toàn khi lưu lâu - Măt Murphy mịn - Có bóng chèn - Van có đầu bơm cho ống khóa luer - Bộ nối tiêu chuẩn 15mm - Đường phản quang X-ray dọc theo ống dây	Cái	400	
94	Ống đặt nội khí quản lò xo các số	Được dùng để đặt nội khí quản miệng và mũi. Được sản xuất từ nhựa PVC không độc hại, mềm mại và trong suốt, các số. Lò xo giúp ống không bị gấp lại gây tắc nghẽn khi bệnh nhân co lại cổ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	20	
95	Ống hút thai các số	Chất liệu nhựa y tế. Các cỡ 5,6,7, vô khuẩn. Sử dụng 1 lần. Hoặc tương đương.	Cái	200	
96	Phim X Quang 20X25cm	Phim khô laser kiểu DI-HL, cỡ 20x25cm, tương thích máy in phim khô laser. Hộp 150 tờ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	Tờ	16.000	
97	Sonde dẫn lưu ổ bụng các cỡ	Dây trơn láng, mềm dẻo và trong suốt, không gây động dịch máu trong dây.	Cái	200	
98	Sonde Foley 2 nhánh các số	Sonde Foley 2 nhánh các số. Sản xuất từ cao su thiên nhiên, không chứa DEHP. Vô trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	800	
99	Sonde Nelaton các số	Ống dài ≥ 40 cm, bằng cao su. Đầu hở với 2 lỗ bên giúp dẫn lưu tối đa. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	800	
100	Tay dao điện	Tay dao điện 2 nốt bấm với 2 chế độ cắt và đốt. Đầu đốt bằng thép không rỉ, chiều dài cấp nối ≥ 3 m, đầu cắm 3 chân. Đã được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	300	
101	Tạp dề đỡ đẻ	Được làm từ vải không dệt hoặc PE, đã tiệt trùng.	Cái	500	
102	Than hoạt	Bột màu đen, không mùi, không vị.	Kg	10	
103	Túi máu đơn	Túi đựng máu y tế đã tiệt trùng, đóng gói mỗi túi 01 cái, kích cỡ: 250ml	Túi	20	
104	Túi nước tiểu	Sản xuất từ nhựa PVC, không độc hại.	Cái	1000	

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		Kích cỡ 2.000ml, độ dài 1,2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. Có bản ghi thông tin bệnh nhân Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí E.O Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương.			
105	Viên khử khuẩn	Thành phần: 2,5g Troclosense sodium 50% Viên nặng 5g có thành phần: hoạt chất Troclosense Sodium 50% tương đương 2,5g/viên, Apidic acid 1,2g/viên tương đương 24% trọng lượng 1 viên - Dạng viên sủi tan nhanh trong nước. Khử khuẩn dụng cụ, bề mặt, đồ vải. - Đạt các tiêu chuẩn: GMP, ISO 13485 hoặc tương đương	Viên	4.000	
II. Đinh, nẹp, vip ngoại khoa					
106	Đinh Kirschner các loại	Chất liệu thép không gỉ. Đường kính 1.0 đến 3.0mm. Size: 12,16,22 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương;	Cái	30	
107	Nẹp bản hẹp các cỡ	Chất liệu thép không gỉ. Lỗ vít 4.5mm. Có từ 5 đến 16 lỗ. Khoảng cách các lỗ 16mm.Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương;	Cái	05	
108	Nẹp bản nhỏ các cỡ	Chất liệu thép không gỉ. Lỗ vít 3.5mm. Có từ 4 đến 12 lỗ. Khoảng cách các lỗ 12mm.Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương;	Cái	05	
109	Nẹp bản nhỏ xương cánh tay	Chất liệu thép không gỉ. Lỗ vít 3.5mm. Có từ 4 đến 10 lỗ. Khoảng cách các lỗ 12mm.Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	05	
110	Nẹp lòng máng 1/3, 6 lỗ, 8 lỗ vít 3.5 mm	Chất liệu thép không gỉ. Lỗ vít 3.5mm. Có loại 6 lỗ và 8 lỗ. Khoảng cách các lỗ 12mm.Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương;	Cái	05	
111	Vít xương cứng đk 3.5, các loại	Chất liệu thép không gỉ. Đường kính thân vít 3.5mm; đường kính mũ vít lục giác 5.9 - 6.0mm; Chiều dài từ 10 - 60mm;Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương;	Cái	70	
112	Vít xương cứng đk 4.5 các loại	Chất liệu thép không gỉ. Đường kính thân vít 4.5mm; đường kính mũ vít lục giác 7.9 - 8.0mm; Chiều dài từ 14 - 70mm;Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương;	Cái	50	
III. Sinh phẩm chẩn đoán Invitro					
113	Que thử đường huyết	- Công nghệ: Cảm biến sinh học/Điện hóa, đường oxidase (GOD). - Thời gian đo: 10 giây.	Test	200	

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		- Lượng mẫu tối thiểu: 0.5 µL. - Loại mẫu xét nghiệm: Máu tươi toàn phần từ mao mạch. - Phạm vi HCT: 25 - 60%. - Khoảng đo đường huyết: 1.1 - 33.3mmol/L (20 - 600mg/dL). - Điều kiện bảo quản que thử: 2 - 35°C.			
114	Test nhanh chẩn đoán HIV	- Độ nhạy 100% , độ đặc hiệu $\geq 99,75\%$, cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút, không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm (chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương. - Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn châu Âu EN ISO 13485 hoặc tương đương	Test	1.500	
115	Test nhanh chẩn đoán HIV	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 bằng sự hình thành vạch rõ ràng (3 vạch) và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. - Nhạy với IgM trong giai đoạn nhiễm bệnh sớm - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.8%. - 1 test thử bao gồm: Phức hợp vàng: Kháng nguyên HIV-1 gp41, p24, HIV-2 gp36 tái tổ hợp – chất keo vàng ($1,0 \pm 0,2 \mu\text{g}$); Vạch thử 1: Kháng nguyên HIV -1 tái tổ hợp (gp41, p24) ($0,625 \pm 0,125 \mu\text{g}$); Vạch thử 2: Kháng nguyên HIV -2 tái tổ hợp (gp36) ($0,5 \pm 0,1 \mu\text{g}$); Vạch chứng: Huyết thanh dê có kháng thể HIV ($0,75 \pm 0,15 \mu\text{g}$). - Thời gian trả kết quả: 10 – 20 phút - Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 10 uL; máu toàn phần: 20uL - Nhiệt độ bảo quản: 1 – 30 °C	Test	2.500	
116	Test nhanh chẩn đoán nhanh viêm gan B	- Độ nhạy $\geq 98,4\%$, độ đặc hiệu $\geq 99,6\%$. Giới hạn phát hiện $\leq 0.1\text{IU/ml}$. - Thời gian đọc kết quả ≤ 15 phút, độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 30 phút. Không cần sử dụng dung dịch đệm cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương. - Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn châu Âu EN ISO 13485 hoặc tương đương.	Test	3.600	
117	Test nhanh chẩn đoán nhanh viêm gan C	Định tính phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. Hoạt chất chính: Các kháng nguyên HCV tái tổ hợp. - Độ nhạy tương quan: 99.05%; - Độ đặc hiệu tương quan: 99.46%;	Test	2.000	

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		- Độ chính xác tương quan: 99.33%. - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: 100% - Không bị phản ứng chéo với các mẫu dương tính HBsAg, HAV, HIV, Dengue, Syphilis, TB, H. Pylori, RF. - Không bị gây nhiễu bởi EDTA nồng độ 3.4 µmol/L và Sodium citrate nồng độ 3.8% - Phân loại TTBYT: D - Đọc kết quả tại 15 phút.			
118	Test nhanh phát hiện ma túy 4 chân	- Test nhanh xét nghiệm định tính đồng thời MOP300/MDMA500/MET1000/THC50 trong nước tiểu. - Độ chính xác tương đồng với kit thương mại khác > 99.9%. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	Test	2.500	
119	Test thử nước tiểu 11 thông số	- Các thông số đo được: Glu (Glucose), Pro (Protein)m, pH, Bld (Blood – máu), Ket (Ketone), Nit (Nitrite), Bil (Bilirubin), Uro (Urobilinogen), SG (Specific Gravity), Leu(Leukocytes), AsA (Ascorbic Acid). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.	Test	6.000	
Tổng: 119 khoản					

MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời báo giá số 647/TM-TTYT ngày 03/06/2024 của Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm y tế huyện Mường Nhé

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm y tế huyện Mường Nhé, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế (sinh phẩm invitro và vật tư y tế) như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật	Ký, mã, nhân hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS (nếu có)	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Thiết bị A										
2	Thiết bị B										
n	...										

1. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 120 ngày, kể từ ngày 17 tháng 06 năm 2024.

2. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm 2024

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu)

